

Bản án số: 254/2023/DSPT

Ngày 25/12/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng

Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2023/TLPT - DS, ngày 14/11/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2023/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 268/2023/QĐPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH T1; Địa chỉ: thôn N, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế P, Chức vụ: Giám đốc (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 (có mặt).

2. Chị Trần Thị Tuyết T, sinh năm 1986 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Tuyết T là bị đơn .

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2023, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 12/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/8/2019 Công ty TNHH T1 (gọi tắt là Công ty T1) và bà Nguyễn Thị H có ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa gồm các mặt hàng: Bột canxi, vôi cục, vôi xay nóng, vôi nông nghiệp. Đến ngày 01/01/2020 Công ty T1 và bà Nguyễn Thị H, chị Trần Thị Tuyết T có ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa gồm các mặt hàng: Bột canxi, vôi cục, vôi xay nóng, vôi nông nghiệp. Hình thức giao hàng: Bị đơn chịu trách nhiệm xuống hàng, số lượng thực tế theo phiếu cân hoặc theo số lượng bao, đối chiếu theo phiếu giao nhận hai bên ký kết làm thực tế trong vòng 07 ngày đến 15 ngày sau khi nhận đơn hàng của nguyên đơn. Giao hàng tại kho cầu bùng binh thuộc ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi nhận hàng xong Công ty gửi công nợ báo số tiền thì phía bị đơn chuyển tiền theo số tài khoản cho giám đốc Công ty là ông Nguyễn Thế P. Trong quá trình giao dịch bà H có chuyển tiền trả nhưng có lần chuyển không đủ tiền nên còn nợ lại Công ty. Ngày 27/5/2020 Công ty T1 và bà H đã chốt nợ bà H còn nợ 563.120.000đ. Phần nợ này công ty Tấn Phương N cho bà H và chị T trả dần, từ sau ngày 27/5/2020 khi bà H và chị T mua hàng thì phải thanh toán ngay qua hình thức chuyển khoản, tổng giá trị hàng hóa các bên giao dịch là 4.496.897.000đ. Ngày 30/3/2023 giữa công ty T1 và bà H có chốt lại công nợ, Công ty cộng nợ cũ ngày 11/8/2022 là 1.600.000đ và số tiền còn nợ theo giấy công nợ ngày 27/5/2020 là 563.120.000đ, trừ số tiền bà H trả dần là 53.000.000đ. Công ty T1 và bà H thống nhất số tiền còn nợ là 511.720.000đ, bà H đã ký xác nhận công nợ ngày 30/3/2023. Nay nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Tuyết T liên đới trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 511.720.000đồng, yêu cầu trả lãi trên số nợ gốc từ ngày 20/8/2020 đến ngày xét xử thẩm 10/10/2023 là 37 tháng với mức lãi suất 0.83%/tháng và yêu cầu tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty T1.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà H thừa nhận ngày 01/8/2019 bà có ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty T1 về việc mua bán hàng hóa gồm các mặt hàng: Bột canxi, vôi cục, vôi xay nóng, vôi nông nghiệp. Ngày 01/01/2020 Công ty T1 mang hợp đồng nguyên tắc đến cho bà và con là Trần Thị Tuyết T ký vào. Bà H và Công ty T1 chỉ giao dịch từ năm 2019 đến tháng 9/2021 thì bà không mua hàng nữa. Ngày 27/5/2020 bà H và Công ty T1 chốt nợ bà H còn nợ Công ty số tiền 563.120.000đ, Công ty T1 cho bà H trả dần mỗi tháng

20.000.000đ, còn từ sau ngày 27/5/2020 trở đi khi bà H mua hàng thì mua bao nhiêu và trả tiền bấy nhiêu, chị T và bà H trả tiền cho công ty qua hình thức chuyển khoản.

Ngày 30/3/2023 Công ty T1 có chốt lại công nợ với bà H, bà H thừa nhận bà ký tên vào giấy xác nhận nợ số tiền 511.720.000đồng và lãi nợ quá hạn được tính theo lãi suất quá hạn của ngân hàng từ ngày 20/8/2020. Do bà gặp khó khăn về kinh tế nên không thực hiện trả nợ như cam kết. Hợp đồng nguyên tắc ngày 01/01/2020 chị T có ký là vì sợ bà H chết thì chị T trả nợ thay cho bà H chứ chị T không có giao dịch mua bán với Công ty. Nay bà H không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 511.720.000đồng và tiền lãi như theo yêu cầu của nguyên đơn vì bà trả đủ tiền cho nguyên đơn theo biên lai chuyển khoản từ năm 2020 đến năm 2022 với số tiền là 3.817.265.000đ.

Bị đơn chị Trần Thị Tuyết T trình bày: Chị T thừa nhận có ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa với Công ty T1 vào ngày 01/01/2020 cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị H, mục đích sau này bà H chết thì chị trả nợ thay cho bà H chứ chị không có mua bán hay nhận hàng hóa gì với nguyên đơn. Việc mua bán hàng hóa do bà H quyết định, khi bà H và nguyên đơn xác nhận công nợ vào ngày 30/3/2023 thì chị T không có ký tên, do bà H lớn tuổi nên khi chuyển khoản trả tiền cho Công ty thì chị T là người chuyển khoản. Chị T không đồng ý cùng bà Nguyễn Thị H liên đới trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:123/2023/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1. Buộc bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Tuyết T có nghĩa vụ liên đới trách nhiệm trả cho Công ty TNHH T1 Tấn Phương N số tiền hàng còn nợ 511.720.000đồng, tiền lãi 157.149.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 668.869.000đ (sáu trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Tuyết T phải tiếp tục chịu lãi suất với mức lãi suất 10%/năm tính trên số nợ gốc kể từ ngày 11/10/2023 cho đến khi bà H và chị T trả nợ xong.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/10/2023 bị đơn bà H và chị T kháng cáo bản án sơ thẩm có nội dung: Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H không đồng ý trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn, chị T không đồng ý liên đới trách nhiệm cùng bà H trả nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty TNHH T1 Tấn Phương N do anh P đại diện và bà Nguyễn Thị H, chị Trần Thị Tuyết T đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Tuyết T có nghĩa vụ liên đới trả Công ty TNHH T1 Tấn Phương N số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán là 511.720.000đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH T1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho Công ty TNHH T1 Tấn Phương N, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Tuyết T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa án sơ thẩm; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Tuyết T có nghĩa vụ liên đới trả Công ty TNHH T1 Tấn Phương N số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán là 511.720.000đồng và phải trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, án phí sơ thẩm giải quyết theo qui định pháp luật, các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của bà H và chị T còn trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty TNHH T1 Tấn Phương N do anh P đại diện và bà Nguyễn Thị H, chị Trần Thị Tuyết T đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau: Bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Tuyết T có nghĩa vụ liên đới trả Công ty TNHH T1 Tấn Phương N số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán là 511.720.000đồng. Kể từ ngày Công ty TNHH T1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho Công ty TNHH T1 Tấn Phương N, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Tuyết T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét sự thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác nên Hội đồng xét xử thống nhất công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí : Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm được xác định lại: Bà H và chị T phải nộp án phí sơ thẩm là 24.468.800đ.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Sửa bản án sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1. Sự thỏa thuận Công ty TNHH T1 và bà Nguyễn Thị H, chị Trần Thị Tuyết T cụ thể như sau:

1.1. Bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Tuyết T có nghĩa vụ liên đới trả Công ty TNHH T1 Tấn Phương N số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán là 511.720.000đồng (năm trăm mười một triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày Công ty TNHH T1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho Công ty TNHH T1 Tấn Phương N, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Tuyết T còn phải

chiếu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. *Án phí sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Tuyết T phải nộp án phí sơ thẩm là 24.468.800đ (hai mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi tám ngàn, tám trăm đồng).

- Công ty TNHH T1 Tấn Phương N không phải nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả Công ty TNHH T1 số tiền tạm ứng án phí 17.350.000đ (mười bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005001 ngày 05/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2.2. *Án phí phúc thẩm:* Bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Tuyết T không phải nộp án phí án phí phúc thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Tuyết T mỗi người 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000501 và số 0000500 cùng ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Long Hồ;
- Chi Cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung

